TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN THÀNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2023/DSST Ngày: 27/7/2023. *V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN THÀNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Thành;

Bà Vũ Thị Lan Anh.

- *Thư ký phiên toà*: Nguyễn Thị Hoa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành tham gia phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thuận Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST - DS ngày 13 tháng 4 năm 20223 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐST- DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974.

Nơi thường trú: Thôn Đồng Đ, xã Đại Đồng T, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974.

Nơi thường trú: Khu phố H, phường H, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Hữu L1, sinh năm 1948; Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1952.

+ Anh Lê Hữu H2, sinh năm 1993; Chị Lê Thị Hải Y, sinh năm 2000.

Tất cả đều cư trú tại: Thôn Đồng Đ, xã Đại Đồng T, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. (Tất cả đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là vợ của ông Lê Hữu N, sinh năm 1972 ở thôn Đồng Đông, xã Đại Đồng Thành, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 01/7/2022, ông N bị tai nạn mất đột xuất nên không để lại di chúc.

Bà và ông N có 02 con chung là Lê Hữu H2, sinh năm 1993 và Lê Thị Hải Y, sinh năm 2000. Bố mẹ đẻ ông N là ông Lê Hữu L1, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1952.

Ông N và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 ở phố Hồ, thị trấn Hồ có mối quan hệ là bạn bè.

Tháng 01/2023, bà chấp hành án phạt tù xong và trở về địa phương. Khi về nhà bà phát hiện ông N có cho bà L vay số tiền 100 triệu đồng. Khi vay bà L có viết và ký Giấy vay tiền với nội dung: Bà L vay của ông N số tiền 100 triệu và cam kết trả nợ gốc và lãi đầy đúng, thời hạn đến ngày 3/12/2021. Tuy nhiên trong Giấy vay tiền không ghi ngày vay và mức lãi suất.

Do thời gian này bà đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam nên không có mặt ở nhà mà chồng bà là người đứng ra cho bà L vay. Sau khi biết việc chồng bà cho bà L vay số tiền này, bà đã đến nhà bà L nhiều lần để đòi lại số tiền 100 triệu này nhưng bà L không đồng ý trả.

Nay bà đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L phải trả bà số tiền gốc là 100 triệu đồng và số tiền lãi của số tiền 100 triệu đồng với mức lãi suất 10%/ 1 năm, thời gian tính từ ngày 03/12/2021 đến ngày 3/4/2023 là 16 tháng. Như vậy số tiền lãi bà L phải trả bà là: 100.000.000 đồng x 10% : 12 x 16 tháng = 13.300.000 đồng. Tổng số cả gốc và lãi là 113.300.000 đồng.

Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông N (là chồng bà H) có mối quan hệ quen biết là anh em bạn bè chơi thân với nhau. Khoảng giữa năm 2021 (bà không nhớ ngày, tháng cụ thể) do có việc nên bà có hỏi vay ông N số tiền 300 triệu đồng. Ông N đồng ý cho bà vay nhưng yêu cầu bà phải có thế chấp vì vậy bà đã mượn Sổ đỏ của ông T, sinh năm 1976 ở xóm Lẻ, Đạo Tú, Song Hồ để thế chấp cho ông N thì ông N mới cho vay tiền. Ông T đồng ý cho bà mượn Sổ đỏ và bà đã đưa cho ông N nên ông N đã đưa cho bà vay 300 triệu đồng. Ônh N cho bà vay với lãi suất 2000đ/1 triệu/1ngày và bà hỏi vay ông N 20 ngày. Khi vay ông N có yêu cầu bà ký giấy vay tiền nhưng ông N không đưa cho bà. Đúng 20 ngày sau bà trả ông N được 200 triệu đồng gốc và 08 triệu tiền lãi, bà còn nợ lại ông N 100 triệu đồng tiền gốc. Sau đó ông N đã trả lại Sổ đỏ cho ông T và ông N yêu cầu bà viết giấy vay số tiền 100 triệu đồng này. Ban đầu ông N bảo bà viết trong giấy hẹn đến ngày 3/11/2021 thì trả nhưng bà bảo ông N cho vay đến 3/12/2021 thì trả vì vậy trong giấy vay tiền bà có sửa từ tháng 11 thành tháng 12. Trong giấy vay tiền không ghi ngày vay nhưng bà nhớ là hỏi vay ông N 02 tháng, không ghi lãi suất nhưng bà vẫn trả lãi ông N 2000đ/1triệu/1ngày. Đến ngày 3/12/2021, tại cửa hàng Karaoke Tuấn Hùng của gia đình bà ở phố Hồ, bà đã trả ông N toàn bộ số tiền gốc 100 triệu đồng và số tiền lãi 02 tháng là 12 triệu đồng (lúc đó chỉ có một mình bà và ông N). Khi bà trả tiền ông N, bà có

yêu cầu ông N đưa Giấy vay tiền cho bà nhưng ông N bảo là không cầm xuống nhà bà mà ông N để ở nhà, khi nào về ông N sẽ xé đi. Do tin tưởng nên bà cũng đồng ý và không có ý kiến gì.

Đến khoảng giữa năm 2022 thì ông N bị tai nạn mất. Cho đến nay bà H (là vợ anh N) đi tù về thì có đơn kiện đòi bà số tiền này. Nay bà khẳng định, bà đã trả ông N số tiền 100 triệu đồng theo Giấy vay tiền mà bà H kiện đòi bà tại tòa án vì vậy bà không đồng ý trả bà H số tiền này nữa.

Việc bà vay ông N số tiền này không liên quan đến chồng bà vì bà vay để làm ăn riêng nên một mình bà sẽ có trách nhiệm giải quyết vụ việc này tại Tòa án.

Phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hữu L1, bà Nguyễn Thị H1, anh Lê Hữu H2, chị Lê Thị Hải Y đều thống nhất trình bày: Hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và đồng ý để bà H toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình và được nhận toàn bộ số tiền mà bà L phải trả theo quyết định của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay:

+ Bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án buộc bà L phải trả bà số tiền gốc là 100 triệu đồng và tiền lãi tính từ ngày 03/12/2021 đến ngày 03/4/2023 là 13.300.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không đồng ý với yêu cầu của bà H vì ngày 03/12/2021 bà đã trả ông N số tiền này.

+ Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468, 470, 609, 610, 613, 651 Bộ luật dân sự. Điều 26, 147, 227, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả bà Nguyễn Thị H tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 03/4/2023 là 113.300.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự giác chấp hành thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thời hiệu khởi kiện:* Giấy vay tiền giữa bà Nguyễn Thị L và ông N không ghi ngày vay nhưng có ghi thời hạn đến ngày 03/12/2021. Ngày 10/4/2023 bà H nộp đơn khởi kiện, ngày 13/4/2023, Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án. Do vậy theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì bà H khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà L vẫn trong thời hiệu theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quyền khởi kiện:* Qua xem xét các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp và xác nhận của UBND xã Đại Đồng Thành. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn với ông Lê Hữu N tại UBND xã Đại Đồng Thành ngày 06/11/1992 do vậy bà H là vợ hợp pháp của ông N. Bà H và ông N có 02 con chung là Lê Hữu H2, sinh ngày 03/11/1993 và Lê Thị Hải Y, sinh ngày 30/10/2000. Bố mẹ đẻ ông N là ông Lê Hữu L1, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1952. Ngày 01/7/2022, ông N bị tai nạn mất đột xuất nên không để lại di chúc. Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự thì ông L1, bà H1, bà H, anh H2 và chị Y là người thừa kế theo pháp luật và thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N do vậy ông L1, bà H1, bà H, anh H2 và chị Y có quyền khởi kiện đối với tài sản của ông N để lại.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, phía ông L1, bà H1, anh H2, chị Y đều hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H và đồng ý để bà H toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình và được nhận toàn bộ số tiền mà bà L phải trả theo quyết định của Tòa án. Xét yêu cầu của ông L1, bà H1, anh H2, chị Y là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H thì thấy:*

Giấy vay tiền giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lê Hữu N có ghi số tiền bà L vay ông N là 100 triệu đồng và có ghi thời hạn đến ngày 03/12/2021 nhưng không ghi ngày ông N cho bà L vay. Tuy nhiên phía bà L xác nhận bà có vay số tiền này của ông N, chữ viết và ký trong Giấy vay tiền này đúng là chữ viết và ký của bà. Do vậy Hội đồng xét xử xác định Giấy vay tiền này là Hợp đồng vay tài sản hợp pháp, khi ký kết các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Trong Giấy vay tiền thể hiện số tiền bà L vay ông N là 100 triệu đồng, không ghi mức lãi suất, không ghi ngày vay nhưng ghi thời hạn trả là ngày 03/12/2021. Theo quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự thì đây là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi.

Xét yêu cầu của bà H đề nghị Tòa án buộc bà L phải trả số tiền gốc là 100 triệu đồng và số tiền lãi của số tiền 100 triệu đồng với mức lãi suất 1%/ 1 năm, thời gian tính từ ngày 03/12/2021 đến ngày 3/4/2023 là 13.300.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với số tiền gốc: Phía bà L trình bày, ngày 3/12/2021, tại quán hàng Karaoke Tuấn Hùng của gia đình bà ở phố Hồ, bà đã trả ông N toàn bộ số tiền gốc 100 triệu đồng và số tiền lãi 02 tháng là 12 triệu đồng. Khi bà trả tiền bà có yêu cầu ông N đưa lại Giấy vay tiền cho bà nhưng ông N có nói là không cầm xuống nhà bà mà ông N để ở nhà, khi nào về ông N sẽ xé đi. Do tin tưởng nên bà cũng đồng ý và không có ý kiến gì. Tuy nhiên ngoài lời trình bày của mình thì bà L không có chứng cứ gì khác để chứng minh. Do vậy cần căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự để buộc bà L phải trả bà H số tiền gốc 100 triệu đồng.

Đối với số tiền lãi: Bà H yêu cầu bà L phải trả tiền lãi với mức lãi suất là 10%/1 năm và thời gian tính số tiền lãi từ ngày 03/12/2021 đến ngày 03/4/2023 là 16 tháng tương ứng với số tiền 13.300.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470, 609, 610, 613, 651 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 26, 147, 227, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 03/12/2021 đến ngày 3/4/2023 là 13.300.000 đồng. Tổng số là 113.300.000 đồng (Một trăm mười ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự giác chấp hành thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 5.665.000 đồng (Năm triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị H 2.850.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0005966 ngày 13/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xãThuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã Thuận Thành;
- THADS thị xã Thuận Thành;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu